

**PHỤ LỤC**  
**PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ, MỤC TIÊU CHUYỂN ĐỔI SỐ NĂM 2024**  
(Kèm theo Kế hoạch số 48/KH-UBND ngày 28/02 /2024 của UBND huyện Châu Phú)

STT	Mục tiêu	Chỉ tiêu năm 2024	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Ghi chú
1	<b>Phát triển Chính quyền số</b>				
1.1	Dịch vụ công (đủ điều kiện) cung cấp trực tuyến toàn trình	100%	Văn phòng HĐND& UBND huyện	Các Phòng, ban, ngành huyện; UBND các xã, thị trấn	
1.2	Thông tin người dân được tự động nhập vào biểu mẫu trực tuyến	50%	Phòng Văn hóa và Thông tin	Các Phòng, ban, ngành huyện; UBND các xã, thị trấn	
1.3	Hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý	40%	Các Phòng, ban, ngành huyện; UBND các xã, thị trấn	Phòng Văn hóa và Thông tin	
1.4	Chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành trên Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh (LRIS); đồng thời được kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu số trên Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ	70%	Văn phòng HĐND& UBND huyện	Các Phòng, ban, ngành huyện; UBND các xã, thị trấn	
1.5	Văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước (trừ văn bản mật theo quy định của pháp luật) dưới	100%	Các Phòng, ban, ngành	Phòng Văn hóa và Thông tin	

	dạng điện tử		huyện; UBND các xã, thị trấn		
1.6	Lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức được bồi dưỡng tập huấn kỹ năng số để sử dụng thành thạo các ứng dụng công nghệ thông tin đáp ứng báo cáo công việc.	90%	Phòng Văn hóa và Thông tin	Các Phòng, ban, ngành huyện; UBND các xã, thị trấn	
1.7	Cơ quan nhà nước tham gia mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở phục vụ phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số	90%	Phòng Văn hóa và Thông tin	Các Phòng, ban, ngành huyện; UBND các xã, thị trấn	
1.8	Người dân, doanh nghiệp hài lòng với các dịch vụ số của Chính quyền số tỉnh An Giang cung cấp; Nâng cao hiệu quả phục vụ người dân, doanh nghiệp góp phần tạo sự đồng thuận cao nhất trong nhân dân	70%	Các Phòng, ban, ngành huyện; UBND các xã, thị trấn	Phòng Văn hóa và Thông tin	
1.9	Người dân và doanh nghiệp tham gia hệ thống thông tin Chính phủ điện tử được xác thực định danh điện tử thông suốt và hợp nhất trên tất cả các hệ thống thông tin của các cấp chính quyền từ trung ương đến địa phương	30%	Phòng Văn hóa và Thông tin	Các Phòng, ban, ngành huyện; UBND các xã, thị trấn	
1.10	Hồ sơ giải quyết trực tuyến	50%	Các Phòng, ban, ngành huyện; UBND các xã, thị trấn	Phòng Văn hóa và Thông tin	
1.11	Dịch vụ công trực tuyến sử dụng dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp	50%	Phòng Văn hóa và Thông tin	Các Phòng, ban, ngành huyện; UBND các xã, thị trấn	

1.12	Hồ sơ công việc tại cơ quan nhà nước cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật).	- Cấp huyện: 80%. - Cấp xã: 65%.	Các Phòng, ban, ngành huyện; UBND các xã, thị trấn	Phòng Văn hóa và Thông tin	
1.13	Cơ quan nhà nước các cấp hoàn thiện chính quyền điện tử	90%	Các Phòng, ban, ngành huyện; UBND các xã, thị trấn	Phòng Văn hóa và Thông tin	
1.14	Hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính được luân chuyển trong nội bộ giữa các cơ quan có thẩm quyền giải quyết, hoặc các cơ quan có liên quan được thực hiện bằng phương thức điện tử	Tối thiểu 80% trở lên	Các Phòng, ban, ngành huyện; UBND các xã, thị trấn	Phòng Văn hóa và Thông tin	
1.15	Người dân, doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hành chính không phải cung cấp lại các thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được cơ quan chấp nhận khi thực hiện thành công thủ tục hành chính (trước đó), mà cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính đang quản lý hoặc thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được cơ quan nhà nước kết nối, chia sẻ	80%	Các Phòng, ban, ngành huyện; UBND các xã, thị trấn	Phòng Văn hóa và Thông tin	
1.16	Hồ sơ được số hóa, ký số và lưu trữ điện tử đối với hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính đã được giải quyết thành công	100%	Các Phòng, ban, ngành huyện; UBND các xã, thị trấn	Phòng Văn hóa và Thông tin	
<b>2</b>	<b>Phát triển Kinh tế số</b>				
2.1	Sản phẩm thuộc chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) có mặt sàn thương mại điện tử	90%	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Phòng Văn hóa và Thông tin; Sở Công thương;	

				Các Phòng, ban, ngành huyện; UBND các xã, thị trấn	
2.2	Dân số tham gia mua sắm trực tuyến	50%	Phòng Kinh tế - Hạ tầng	Phòng Văn hóa và Thông tin; Các Phòng, ban, ngành huyện; UBND các xã, thị trấn	
2.3	Người dân biết sử dụng điện thoại thông minh vào khai thác các ứng dụng nền tảng phục vụ sản xuất, kinh doanh	Trên 50%	Phòng Văn hóa và Thông tin	Các Phòng, ban, ngành huyện; UBND các xã, thị trấn; Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ VTCI	
2.4	Doanh nghiệp sử dụng hóa đơn điện tử	100%	Chi Cục Thuế Khu vực TP. Châu Đốc – Châu Phú	Các Phòng, ban, ngành huyện; UBND các xã, thị trấn;	
2.5	Doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số	40%	Phòng Văn hóa và Thông tin	Các Phòng, ban, ngành huyện; UBND các xã, thị trấn;	
2.6	Doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử	70%	Phòng Kinh tế - Hạ tầng	Các Phòng, ban, ngành huyện; UBND các xã, thị trấn;	

<b>3</b>	<b>Phát triển Xã hội số</b>				
3.1	Hộ gia đình có địa chỉ số	100%	UBND các xã, thị trấn	Bưu điện huyện; Phòng Văn hóa và Thông tin	
3.2	Người dân, doanh nghiệp được trang bị kỹ năng số và các quy tắc ứng xử trên môi trường số; có thể tham gia hoạt động học tập, lao động, sản xuất, đời sống và sinh hoạt trên môi trường số	80%	Phòng Văn hóa và Thông tin	Các Phòng, ban, ngành huyện; UBND các xã, thị trấn	
3.3	Phổ cập dịch vụ mạng di động 4G/5G và điện thoại di động thông minh		Phòng Văn hóa và Thông tin	Các Phòng, ban, ngành huyện; UBND các xã, thị trấn	
3.4	Tỷ lệ người dân từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác	70%	Phòng Văn hóa và Thông tin	UBND các xã, thị trấn	
3.5	Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh	85%	Phòng Văn hóa và Thông tin	Các Phòng, ban, ngành huyện; UBND các xã, thị trấn	
3.6	Tỷ lệ hộ gia đình có đường Internet cáp quang băng rộng	80%	Phòng Văn hóa và Thông tin	Các Phòng, ban, ngành huyện; UBND các xã, thị trấn	

Danh mục gồm: **28** chỉ tiêu./.